

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ IN NHẬT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ IN NHẬT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT NAM PRINTING SERVICE AND TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT NAM PRINTING SERVICE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109135157

3. Ngày thành lập: 19/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 44, Dãy A4, Ngõ 622 Hà Huy Tập, TT Công ty CPXD Công trình và Đầu tư 120, Thị Trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977618611

Fax:

Email: innhatnam68@gmail.com

Website: <https://innhatnam68.com/>

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
2.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
7.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
8.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
9.	In ấn	1811(Chính)
10.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
11.	Sao chép bản ghi các loại	1820
12.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

14.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
15.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
16.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
17.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
18.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
19.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
20.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
23.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
24.	Xây dựng công trình điện	4221
25.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
28.	Xây dựng công trình thủy	4291
29.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
30.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
31.	Phá dỡ	4311
32.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn)	4312
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
35.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
36.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620

38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su;	4669
45.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
47.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
53.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh	5610
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
59.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát	5630
60.	Lập trình máy vi tính	6201
61.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
62.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

63.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
64.	Công thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
65.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm)	6820
66.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
67.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc	7110
68.	Quảng cáo	7310
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
70.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	7912
74.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
75.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
76.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Trừ hợp báo)	8230
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

78.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học	8560
79.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
80.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN THỊNH _____ Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *07/11/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *034091010784*
 Ngày cấp: *25/02/2020* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đông Châu, Xã Quỳnh Ngọc, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Ngõ 1, Đường Tân Triều Mới, Thôn Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội